\ **TÒA ÁN NHÂN DÂN**
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 774/2025/KDTM-ST
Ngày: 27/5/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hòa Bình

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 0871/2023/TLST - KDTM ngày 04/5/2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2025/QĐXX – ST ngày 04/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2025/QĐ – HPT ngày 28/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T

Địa chỉ: 89 đường LH, phường M, quận K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc P (Giấy ủy quyền số 3366/2024/UQ-PGĐ ngày 11/4/2024 (Có mặt)

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 đường CT, Phường Y, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH K (vắng mặt)

Địa chỉ: 132/25 Đường D (Nay là NVT), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn S (vắng mặt)

Địa chỉ: 132/25 Đường D (Nay là NVT), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa liên quan:

1/ Ông Trần Văn S (vắng mặt)

Địa chỉ: 132/25 Đường D (Nay là NVT), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Minh X (vắng mặt)

Địa chỉ: 125/29 Đường 304, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, các bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH P (Viết tắt: Công ty P) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP T– (Viết tắt là T) – Chi nhánh Quận 11 theo Hợp đồng cho vay số Q11/21029 ngày 02/02/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế không có tải sản đảm bảo dành cho khách hàng doanh nghiệp và các khế ước nhận nợ, văn bản có liên quan, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 633.000.000 đồng (căn cứ Khế ước nhận nợ số Q11/21029-01 ngày 02/02/2021)

Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 02/02/2021 đến ngày 02/02/2026.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe.

Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 8.3%/năm. Lãi suất cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 03/02/2022.

Mức điều chỉnh: Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 3 đến = 5 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 06 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.8%/năm.

Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 20 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20/02/2021, tổng cộng gồm 60 kỳ. Số tiền nợ gốc mà khách hàng phải trả mỗi kỳ là 10.550.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 10.550.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 20, kỳ trả nợ lãi dầu tiên vào ngày 20/02/2021.

Ngoài ra, Công ty TNHH K còn mở khoản thẻ tín dụng doanh nghiệp tại T theo Hợp đồng số 172-C-511813, số dư nợ khoản thẻ này có số tiền gốc quá hạn tạm tính là 57.075.778 đồng và số tiền lãi quá hạn tạm tính là 67,972,253 đồng, tổng cộng 125.048.031 đồng.

Để bảo đảm cho những khoản vay trên, V và Công ty TNHH K đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản sau:

Xe Ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: INNOVA, số khung: RI4JW3EM9M3375049, số máy: 1TRA813963, biển số: 51H-881.78 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH P, Giấy đăng ký xe ô tô số: 007071 do Phòng cảnh sát

Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2021. Theo Hợp đồng thể chấp số Q11/21030 ngày 02/02/2021; Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm của Phòng Cảnh sát giao thông- Công an thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/02/2021.

Đồng thời, Ông Trần Văn S và Bà Nguyễn Thị Minh X cam kết bằng toàn bộ tài sản của minh, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang về việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH K phát sinh từ các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa T và Công ty TNHH K theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/21029/HDBL-01 ngày 02/02/2021.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH K đã thanh toán cho T tổng số tiền gốc là 245.742.682 đồng và tiền lãi tổng cộng là 115.496.682 đồng. Tuy nhiên, sau đó Bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên đối với khoản vay còn lại Vpbank đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 27/01/2023. Mặc dù VPBank đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH K để yêu cầu trả nợ các khoản vay nhưng Công ty TNHH K cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra, do hiện nay nguyên đơn không biết xe ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: INNOVA, số khung: RI4JW3EM9M3375049, số máy: 1TRA813963, biển số: 51H-881.78 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH K, Giấy đăng ký xe ô tô số: 007071 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2021 ở đâu. Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành xem xét tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, T đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty TNHH K phải trả ngay một lần cho T tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 27/5/2025 là 563.632.964 đồng, trong đó Nợ gốc quá hạn: 387.257.318 đồng; Nợ lãi quá hạn: 176.375.646 đồng.

2. Kể từ ngày 28/5/2023, Công ty TNHH K vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho T.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho T thì T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ cho T.

4. Trong trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho T thì T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền buộc ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Minh X thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, liên đới thanh toán khoản nợ cho T.

Ngày 03/04/2025, nguyên đơn có Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện tại Đơn khởi kiện ngày 25/4/2023, cụ thể: Rút yêu cầu khởi kiện liên quan đến thẻ tín dụng theo số Hợp đồng số 172-C-511813 đối với bị đơn Công ty TNHH K.

Tại phiên tòa, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay của Hợp đồng cho vay số Q11/21029 ngày 02/02/2021 và những yêu cầu như đã trình bày ở trên.

Bị đơn, đại diện pháp luật Công ty TNHH K và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Minh X vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

+ Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, người đại diện đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 73 BLTTDS.

** Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến Hợp đồng thẻ tín dụng số 172-C-511813 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với Công ty TNHH K.

** Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T với Công ty TNHH K là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 2743/2023/QĐ-CCTLCC ngày 12 tháng 12 năm 2023 và công văn số 00164 của Phòng đăng ký kinh doanh về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của công ty TNHH K trả lời: Thông tin đăng ký doanh nghiệp của công ty TNHH K (mã số doanh nghiệp 0312110752), đăng ký lần đầu ngày 07/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2021 đính kèm thông tin chi tiết giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 3 thì bị đơn vẫn có trụ sở tại 132/2 Đường D1, (Nay là NVT), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay công ty chưa đăng ký giải thế. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ, khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới". Khi tham gia giao kết hợp đồng, Công ty TNHH K có trụ sở tại Địa chỉ: 132/2 Đường D1, (Nay là NVT), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại công văn số 00164 của Phòng đăng ký kinh doanh về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Công ty TNHH K theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 2743/2023/QĐ-CCTLCC ngày 12 tháng 12 năm 2023 thì Công ty TNHH K vẫn có trụ sở tại Địa chỉ: 132/2 Đường D1, (Nay là NVT), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh niêm yết các văn bản tố tụng đối với Bị đơn tại nơi có trụ sở số 132/2 Đường D1, (Nay là NVT), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án theo luật định.

Bị đơn Công ty TNHH K và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Minh X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng theo luật định nhưng Công ty TNHH K và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Minh X đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH K phải trả ngay một lần tổng số nợ vay còn thiếu tạm tính đến hết ngày 27/5/2025 là 563.632.964 đồng, trong đó Nợ gốc quá hạn: 387.257.318 đồng; Nợ lãi quá hạn: 176.375.646 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án,

có đủ cơ sở xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng cho vay Q11/21029 ngày 02/02/2021. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Hình Thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 118, 119, 401, 463, 464, 465, 466, của Bộ luật dân sự; Điều 90 Luật tổ chức tín dụng nên phát sinh hiệu lực. Do đó, các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên; Căn cứ vào khế ước nhận nợ; Căn cứ vào bảng kê tính lãi, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty TNHH K trong quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T. Việc Công ty TNHH K không thanh toán đầy đủ số tiền nợ còn thiếu đúng thỏa thuận tại khoản 5, 6 Điều 1 Kế ước nhận nợ. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ như quy định tại Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/5/2025 với tổng số tiền là 563.632.964 đồng, trong đó Nợ gốc quá hạn: 387.257.318 đồng; Nợ lãi quá hạn: 176.375.646 đồng.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán ngay số tiền còn thiếu làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Do bị đơn đã vị phạm nghĩa vụ thanh toán trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên việc buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật để chấp nhận toàn bộ yêu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu: Trong trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho T thì T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: INNOVA, số khung: RI4JW3EM9M3375049, số máy: 1TRA813963, biển số: 51H-881.78 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH K, Giấy đăng ký xe ô tô số: 007071 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2021. Hội đồng xét xử căn cứ vào Hợp đồng thể chấp số Q11/21030 ngày 02/02/2021; Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm của Phòng Cảnh sát giao thông- Công an thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/02/2021 và các quy định tại Điều 292, Điều 293, Điều 298, Điều 317, Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 43 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì Hợp đồng thế chấp xe ô tô số Q11/21030 ngày 02/02/2021 đáp ứng quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên và quy định pháp luật nêu trên nên có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu, trong trường hợp Công ty TNHH K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho T thì T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền buộc ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Minh X thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, liên đới thanh toán khoản nợ cho T. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh số Q11/21029/HĐBL-01 ngày 02/02/2021 giữa ông Trần Văn S với T và Hợp đồng bảo lãnh số Q11/21029/HĐBL-01 ngày 02/02/2021 giữa bà Nguyễn Thị Minh X với T. Tại Điều 1 (Phạm Vi Bảo Lãnh) Các bên thống nhất bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh

vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng. Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung và hình thức của Hợp đồng bảo lãnh nêu trên hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Điều 292, 293, 335, 336, 342 và các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng bảo lãnh có giá trị pháp lý. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là ngày 28/5/2025 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm để chập nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 03/4/2025 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến khoản nợ liên quan đến khoản nợ thẻ tín dụng của Công ty TNHH K. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền 125.048.031 đồng từ việc sử dụng dụng thẻ tín dụng theo Hợp đồng số 172-C-511813.

3.Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 280, 298, 299, 317, 318, 323, 335, 336, 342, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Các khoản 3 và 4 Điều 8, Điều 10, điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

1.1 Buộc Công ty TNHH K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền còn nợ tính đến ngày 27/5/2025 là 563.632.964 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc quá hạn: 387.257.318 đồng; Nợ lãi quá hạn: 176.375.646 đồng.

1.2 Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến thẻ tín dụng số 172-C-511813 của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với bị đơn Công ty TNHH K.

1.3 Phương thức thanh toán: Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 28/5/2025 Công ty TNHH K vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, phạt chậm trả trên số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

+ Trong trường hợp Công ty TNHH K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo sự thỏa thuận của quyết định này thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: INNOVA, số khung: RI4JW3EM9M3375049, số máy: 1TRA813963, biển số: 51H-881.78 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH K, Giấy đăng ký xe ô tô số: 007071 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/02/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự buộc ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị Minh X phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại của Công ty TNHH K cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T theo Hợp đồng bảo lãnh số Q11/21029/HĐBL-01 ngày 02/02/2021 giữa ông Trần Văn Sỹ với T và Hợp đồng bảo lãnh số Q11/21029/HĐBL-01 ngày 02/02/2021 giữa bà Nguyễn Thị Minh X với T.

+ Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm vượt quá số tiền trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý trả lại cho chủ sở hữu là Công ty TNHH K

+ Trường hợp Công ty TNHH K thanh toán đầy đủ các khoản nợ đúng hạn trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các giấy tờ đã nhận thế chấp cho Công ty TNHH K.

2. Về án phí: Án phi kinh doanh thương mại sơ thẩm là 26.545.319 (Hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn ba trăm mười chín đồng, Công ty TNHH K phải nộp.

Ngân hàng Thương mại cổ phần T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.483.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2022/0019464 ngày 25/04/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận Bình Thạnh;
-THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hòa Bình **Nguyễn Thị Bính Thân** **Nguyễn Thị Thanh Thủy**

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận Bình Thạnh;
-THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy